CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.7%	-	-

DT thuần
Q2/25
11,825
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,795| 17.9%
YoY: ▲ 1,723| 17.1%

LN thuần
Q2/25
253
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 142| 128%
YoY: ▲ 121| 92.0%

LN sau thuế
Q2/25
273
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 172| 170%
YoY: ▲ 80.0| 41.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.2%
YoY: +/-▲ 1.3%

ROE (TTM)
Q2/25
4.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 12,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,814
Số lượng CPLH (CP)	678,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	441,295
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.70
EPS	615
P/E	11.5

DT thuần
6T 2025
21,855
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,239| 24.1%

LN thuần
6T 2025
364
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 184| 102%

LN sau thuế
6T 2025
374
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 135| 56.4%

Cơ cấu sở hữu

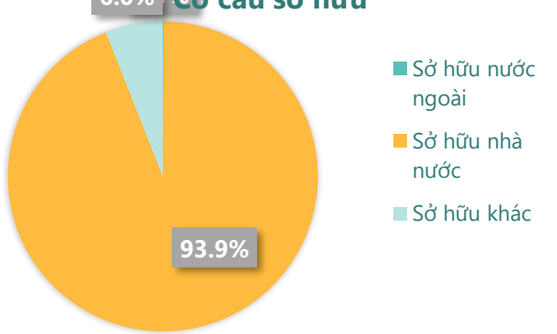

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

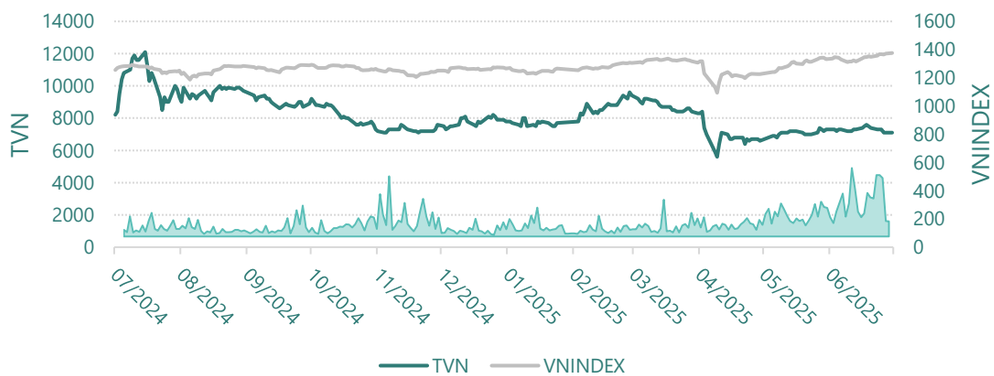

Cơ cấu cổ đông

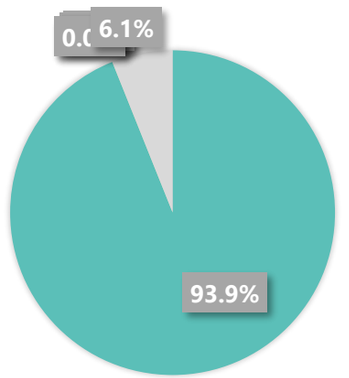

- Bộ Công thương
- Nghiêm Xuân Đa (Tổng giám đốc)
- Đinh Quốc Thái
- Nguyễn Thị Nguyên
- Lê Văn Thanh (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

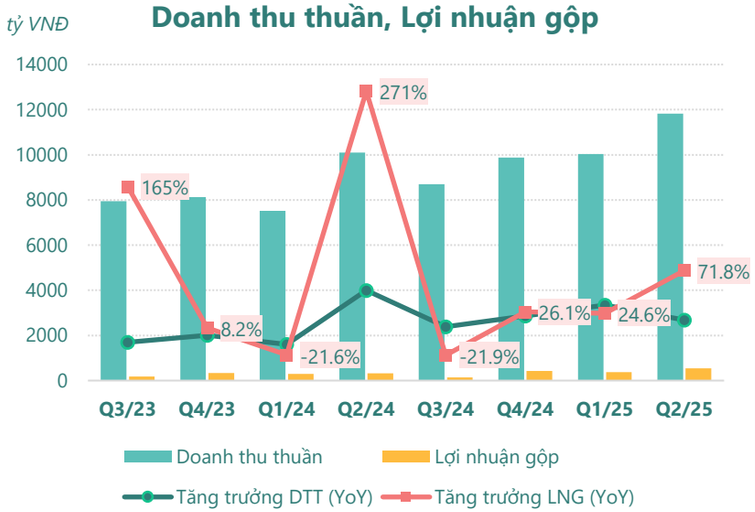

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

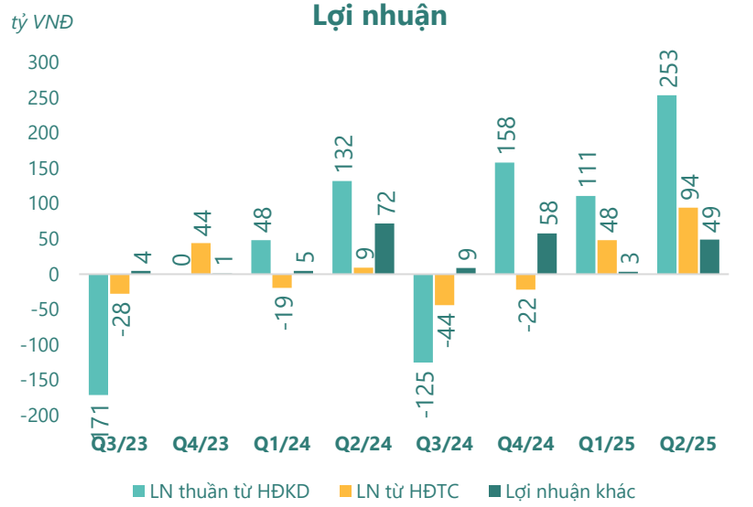

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

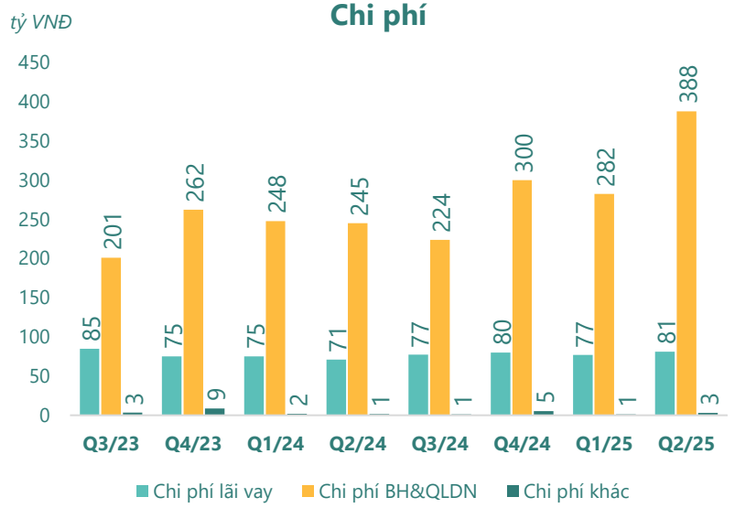

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

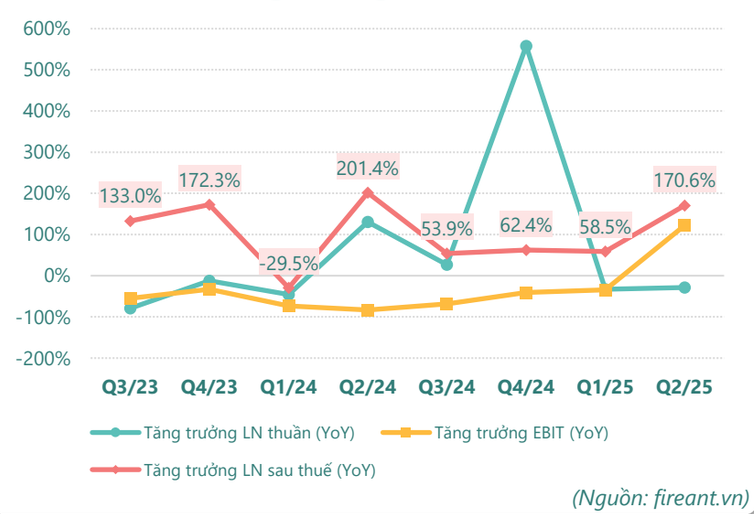

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

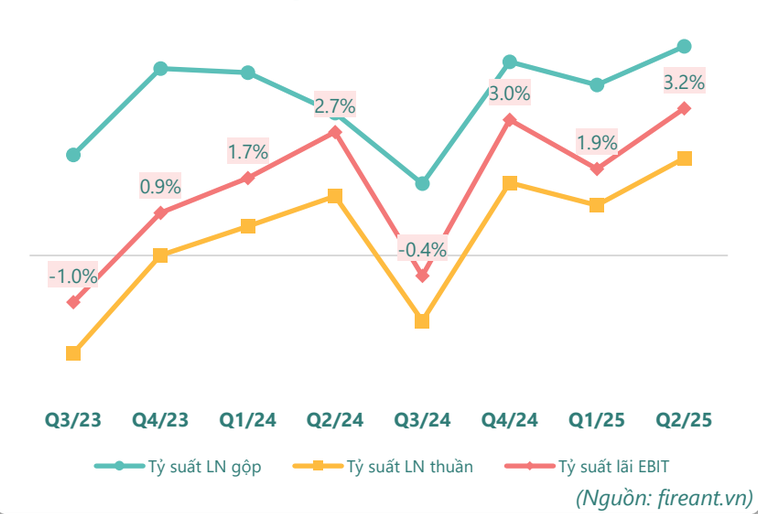

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

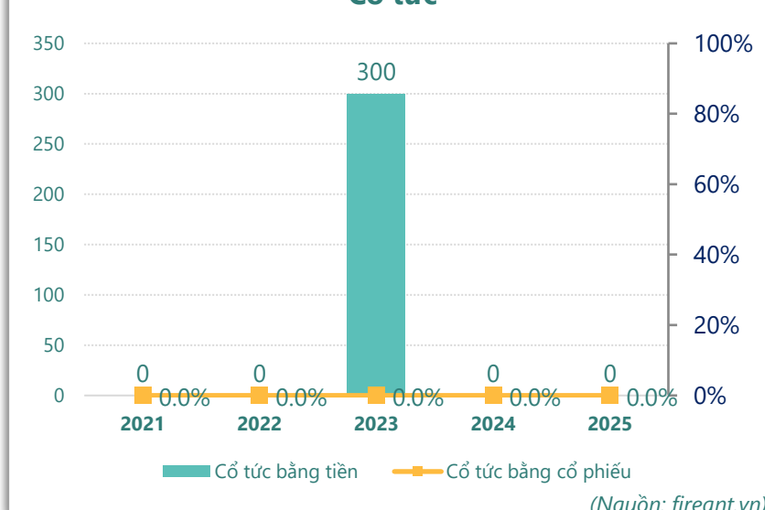

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

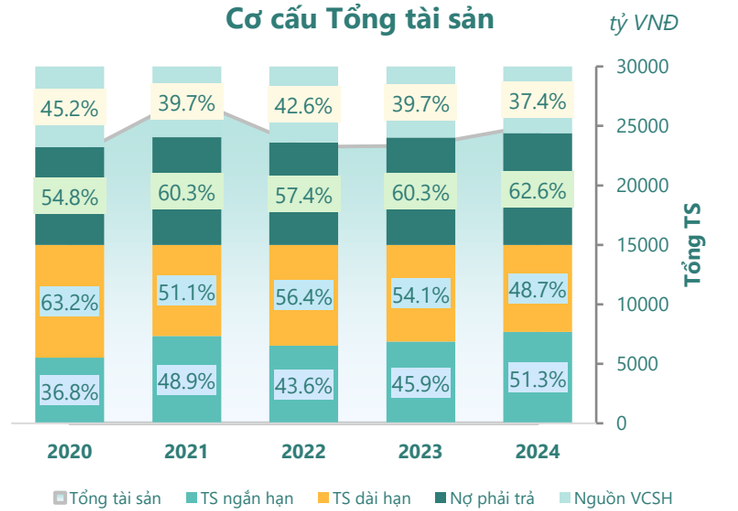

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

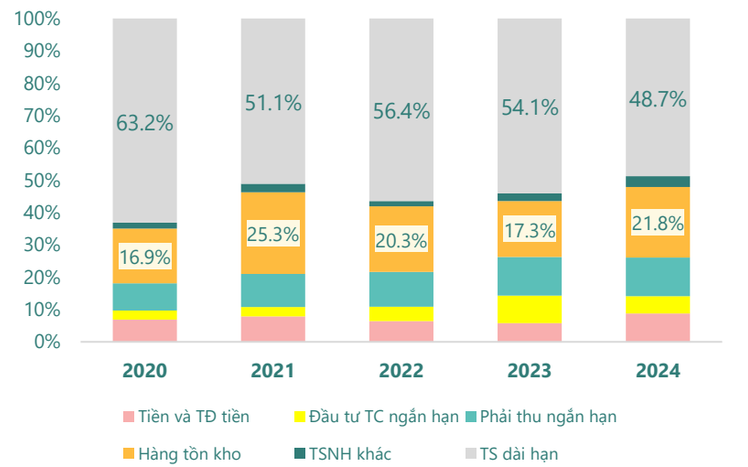

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

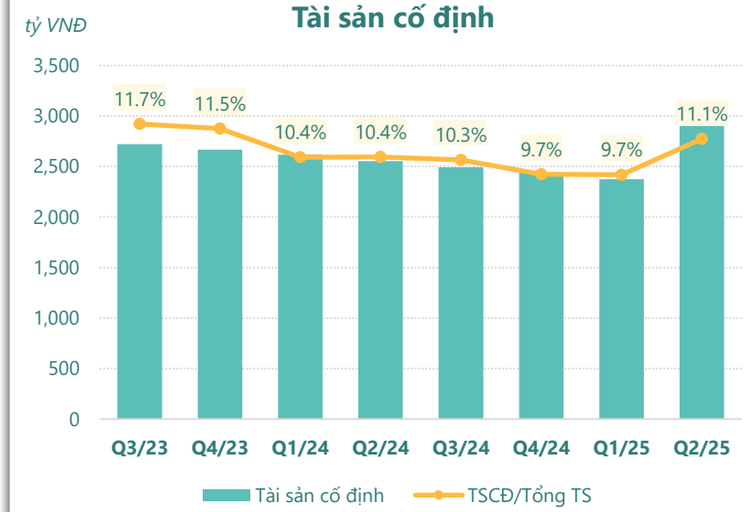

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

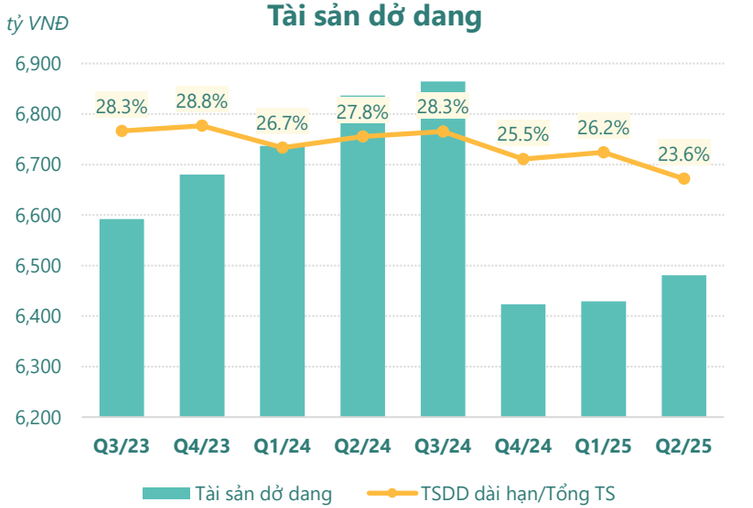

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

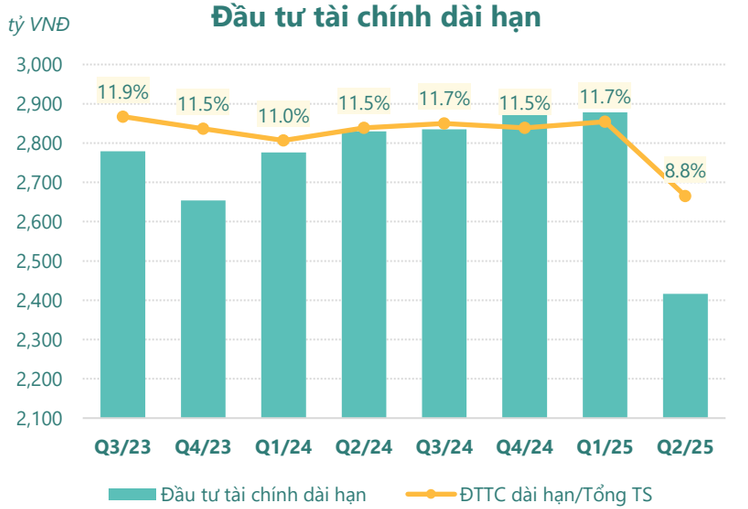

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

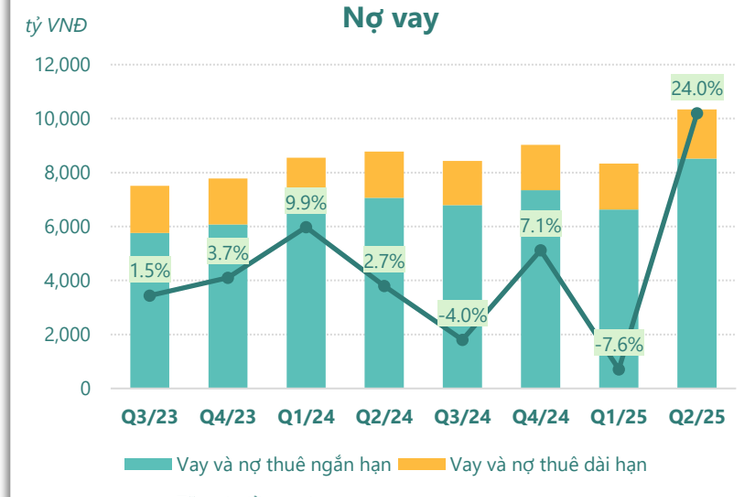

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

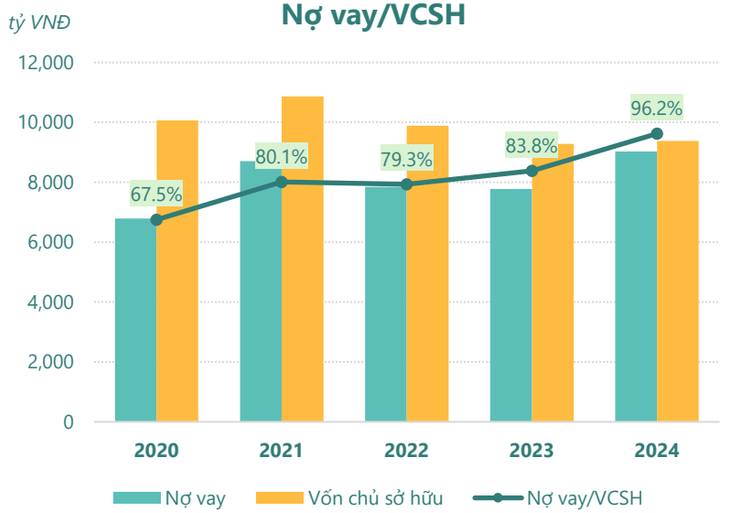

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

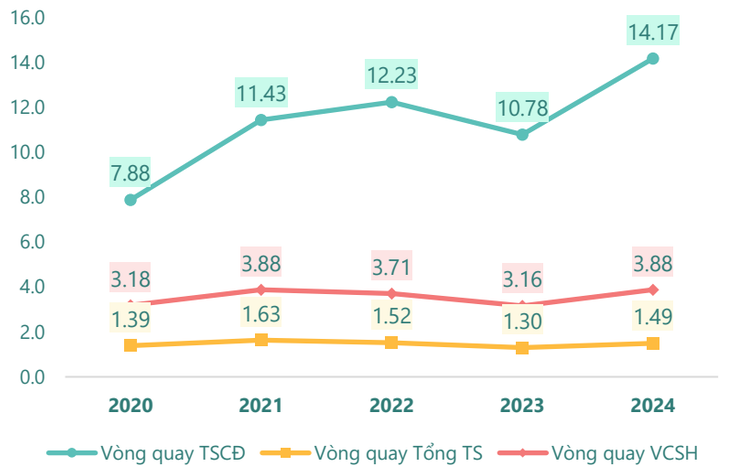

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

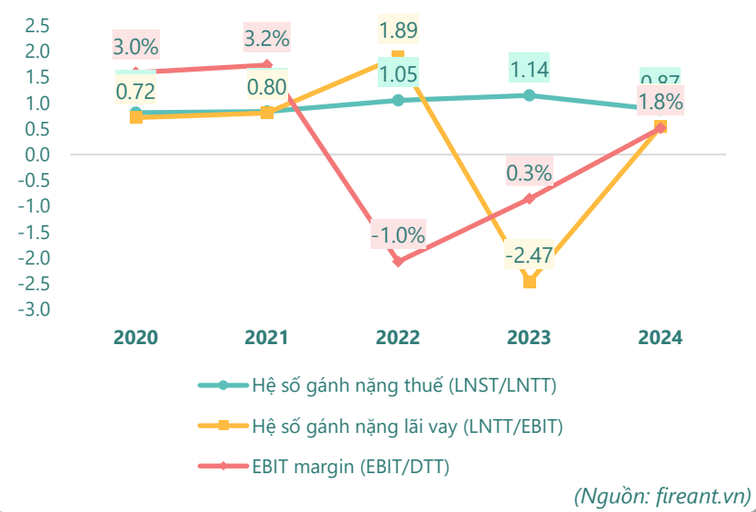

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

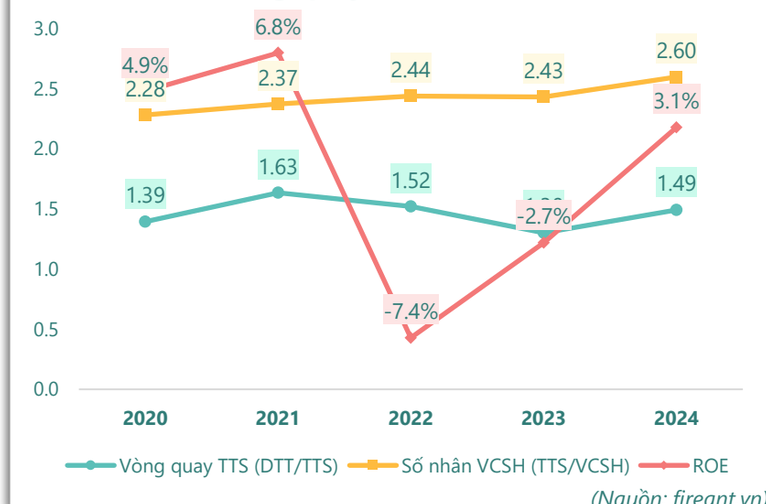

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

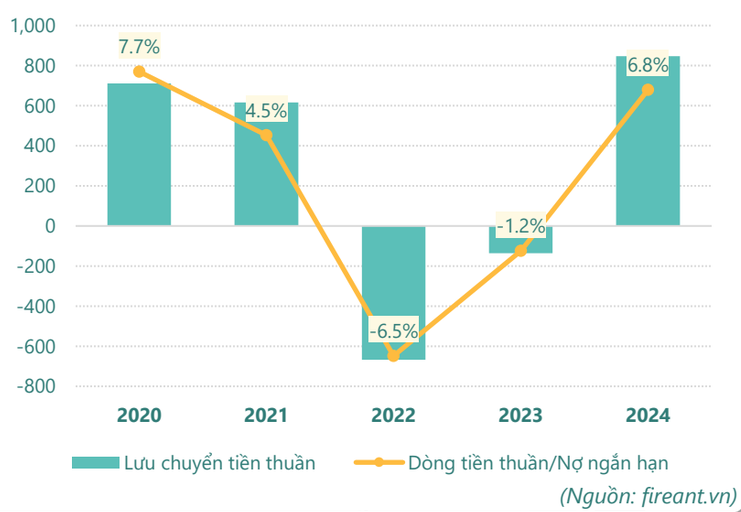

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11,825**	**10,102**	**17.1%**	**21,855**	**17,616**	**24.1%**
Giá vốn hàng bán	11,280	9,785	15.3%	20,933	16,996	23.2%
Lợi nhuận gộp	545	317	71.9%	922	620	48.7%
Doanh thu HĐTC	183	97.1	88.9%	329	165	99.4%
Chi phí TC	89.2	87.9	1.4%	186	175	6.5%
Chi phí lãi vay	81.0	71.2	13.8%	158	146	8.0%
LN trong công ty LKLD	**1.92**	**50.5**	**-96.2%**	**-30.0**	**63.0**	**-148%**
Chi phí bán hàng	161	82.4	95.2%	249	145	71.7%
Chi phí QLDN	**227**	**163**	**39.2%**	**421**	**347**	**21.1%**
LN thuần từ HĐKD	253	132	92.0%	364	180	102%
Lợi nhuận khác	**48.8**	**71.8**	**-32.0%**	**52.1**	**76.6**	**-31.9%**
LN trước thuế	302	204	48.2%	416	257	62.2%
Lợi nhuận sau thuế	**273**	**193**	**41.4%**	**374**	**239**	**56.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**261**	**189**	**38.3%**	**356**	**225**	**57.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-810	-495	751	-1,127	324	470
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	185	764	-332	863	-289	435
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	438	138	-342	572	-698	-228
Tiền đầu kỳ	1,352	1,166	1,572	1,650	2,199	1,537
Lưu chuyển tiền thuần	**-187**	**407**	**77.9**	**307**	**-663**	**676**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.63	-0.20	-0.24	1.02	0.20	3.29
Tiền cuối kỳ	1,166	1,572	1,650	1,958	1,537	2,216

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**27,474**	**25,116**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	14,961	12,879	16.2%
Tiền và tương đương tiền	2,216	2,199	0.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,835	1,353	35.6%
Phải thu ngắn hạn	4,391	3,006	46.1%
Hàng tồn kho	5,653	5,466	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	865	854	1.3%
Tài sản dài hạn	**12,514**	**12,237**	**2.3%**
Phải thu dài hạn	68.5	65.9	3.9%
Tài sản cố định	3,047	2,438	25.0%
Bất động sản đầu tư	73.2	75.5	-3.0%
Tài sản dở dang	6,481	6,425	0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,416	2,886	-16.3%
Tài sản dài hạn khác	**405**	**347**	**16.7%**
Lợi thế thương mại	23.4	0	
Nợ phải trả	17,297	15,735	9.9%
Nợ ngắn hạn	**13,795**	**12,463**	**10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,513	7,343	15.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,775	2,067	-14.1%
Nợ dài hạn	3,501	3,271	7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,824	1,684	8.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,178**	**9,381**	**8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**10,178**	**9,381**	**8.5%**
Vốn điều lệ	6,780	6,780	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)